



TỈNH ỦY NINH THUẬN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 17- NQ/TU

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIV về phát triển kinh tế biển đến 2025, định hướng đến năm 2030

I- THỰC TRẠNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 26/10/2016 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế biển và 02 năm thực hiện Chương trình hành động số 246-CTr/TU, ngày 02/01/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tuy còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng đã đạt những kết quả tích cực: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm; nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh về kinh tế biển đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh được nâng lên. Tốc độ tăng trưởng kinh tế biển tăng khá, đóng góp 38,8% vào GRDP của tỉnh; tiềm năng, thế mạnh về kinh tế biển được nhận diện sâu kỹ hơn và đánh giá đúng mức để tập trung ưu tiên đầu tư phát triển; hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân vùng ven biển được cải thiện. Quốc phòng, an ninh vùng biển và trên biển được bảo đảm, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội chung của tỉnh.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế, đó là: Vai trò, vị trí, tính động lực của kinh tế biển chưa được phát huy mạnh mẽ; kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, đóng góp trong tăng trưởng GRDP của tỉnh còn thấp; hạ tầng khu vực ven biển còn thiếu, chưa đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận người dân vùng ven biển còn gặp khó khăn. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng ven biển còn tiềm ẩn nguy cơ phức tạp...

Những hạn chế trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương và một bộ phận cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, người dân về vai trò, vị trí, tiềm năng, lợi thế, tính động lực của kinh tế biển chưa sâu kỹ, đầy đủ. Một số cơ quan, địa phương chưa mạnh dạn, quyết liệt, nhạy bén trong thực hiện phát triển kinh tế biển; việc chuyển biến nhận thức thành hành động cụ thể còn hạn chế, nhất là việc đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, hiệu quả, khả thi để phát triển các lĩnh vực, vùng kinh tế ven biển và người dân trong, ngoài vùng kinh tế

ven biển; công tác nghiên cứu, điều tra, đánh giá về tài nguyên, môi trường biển chưa được quan tâm triển khai thực hiện.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Quan điểm

Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển, đó là: Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát triển bền vững kinh tế biển là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Phát triển bền vững kinh tế biển là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trên nền tảng tăng trưởng xanh, gắn với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; bảo đảm hài hoà giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển, giữa lợi ích của địa phương có biển và địa phương không có biển; phát triển kinh tế biển theo khu vực, phù hợp tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, trong đó phát triển vùng phía Bắc gắn với khai thác hiệu quả Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa, vùng phía Nam với động lực phát triển cảng biển tổng hợp Cà Ná và vùng trung tâm phát triển kinh tế - xã hội thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển tốt đẹp đi đôi với xây dựng xã hội gắn kết, thân thiện với biển; bảo đảm quyền tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với phát triển bền vững kinh tế biển, trên cơ sở công bằng, bình đẳng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

Tăng cường quản lý tổng hợp, thống nhất tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển tự nhiên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đẩy mạnh đầu tư vào bảo tồn và phát triển giá trị đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái biển; bảo vệ tính toàn vẹn của hệ sinh thái từ đất liền ra biển. Gắn bảo vệ môi trường biển với phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, sự cố môi trường.

Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng ven biển, nhất là vùng bãi ngang và vùng quy hoạch các công trình dự án trọng điểm về du lịch, năng lượng và đô thị ven biển; sắp xếp lại dân cư ven biển gắn với nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Chú trọng công tác nghiên cứu, điều tra cơ bản, đào tạo nguồn nhân lực về biển.

2. Mục tiêu tổng quát

Phát triển Ninh Thuận trở thành tỉnh mạnh về biển trong khu vực, tập trung huy động mọi nguồn lực để kinh tế biển trở thành động lực phát triển; đẩy mạnh ứng dụng

công nghệ thông tin, thực hiện nhanh việc chuyển đổi số vào các ngành kinh tế biển, thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đảm bảo vệ sinh môi trường; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa biển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân vùng biển, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Đến năm 2025

- *Về kinh tế:* Giai đoạn 2021-2025: Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế biển đạt 15-16%/năm; phân đầu huy động tổng vốn đầu tư cho kinh tế biển khoảng 61-62 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn các thành phần kinh tế và dân cư chiếm khoảng 94-95%. Đến năm 2025: Kinh tế biển chiếm 41-42% tổng sản phẩm nội tỉnh; trong đó cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế biển: Năng lượng ven biển chiếm 35-36%; Công nghiệp ven biển chiếm 16-17%; Thủy sản chiếm 24-25%; Đô thị, dịch vụ du lịch biển chiếm 16-17%; Kinh tế hàng hải chiếm 7-8%.

- *Về xã hội:* Thu nhập bình quân đầu người khu vực ven biển gấp 1,2 lần trở lên so với bình quân toàn tỉnh; lao động làm việc trong các ngành kinh tế biển khoảng 60 - 65 nghìn người.

- *Về môi trường:* 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt tại các xã, phường ven biển được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% dự án ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, có hệ thống xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn đạt chuẩn; tổ chức điều tra cơ bản và thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số hóa về tài nguyên, môi trường biển.

3.2. Về định hướng đến năm 2030, Ninh Thuận trở thành tỉnh mạnh về biển, cơ bản đạt các tiêu chí về phát triển bền vững, kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế của tỉnh, chiếm 45-46% tổng sản phẩm nội tỉnh; là tỉnh có mức thu nhập bình quân thuộc nhóm trung bình cao của cả nước, trong đó thu nhập dân cư bình quân khu vực ven biển gấp 1,2 lần trở lên so với bình quân toàn tỉnh.

III- MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Phát triển các nhóm ngành kinh tế biển

Phát triển đột phá các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: Phát triển năng lượng, năng lượng tái tạo; phát triển đô thị, du lịch biển và các loại hình dịch vụ biển; phát triển công nghiệp ven biển; phát triển đồng bộ khai thác và nuôi trồng thủy hải sản; kinh tế hàng hải; khai thác tài nguyên khoáng sản biển khác, cụ thể:

Xây dựng Ninh Thuận thành Trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước, xác định năng lượng là lĩnh vực đột phá, quan trọng trong mục tiêu phát triển kinh tế biển; tập trung phát triển hướng ra biển, xúc tiến đầu tư các dự án điện gió ngoài khơi, điện gió ven biển theo hướng công nghệ mới gắn với bảo vệ môi

trường sinh thái; tập trung hoàn thành các thủ tục đầu tư dự án Tổ hợp điện khí, khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) Cà Ná giai đoạn 1 quy mô 1.500 MW để khởi công đầu năm 2022; kiến nghị Trung ương bổ sung thay thế nguồn điện hạt nhân quy mô 4.600 MW bằng điện khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), hướng đến hình thành Trung tâm điện lực Cà Ná quy mô 6.000 MW. Phấn đấu đến năm 2025, ngành năng lượng ven biển chiếm 35-36% trong kinh tế biển.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đưa du lịch biển Ninh Thuận trở thành điểm đến hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế; tăng cường công tác truyền thông, quảng bá, hình thành và khai thác hiệu quả tuyến du lịch Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa với các tuyến du lịch quốc gia, gắn với phát huy, bảo tồn đa dạng sinh học, giá trị di sản thiên nhiên, văn hoá, lịch sử đặc sắc, nhằm phát huy thế mạnh, cảnh quan thiên nhiên đa dạng mang những nét đặc trưng riêng của Ninh Thuận; hoàn thành các đồ án quy hoạch phân khu về phát triển đô thị du lịch; huy động các nguồn lực ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng các khu du lịch trọng điểm; khuyến khích, thu hút đầu tư hình thành các khu dịch vụ du lịch phức hợp, đa dạng hóa các loại hình du lịch, hình thành các khu đô thị du lịch biển, các loại hình thương mại, dịch vụ chất lượng cao. Phấn đấu đến năm 2025, đón 3,5 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế chiếm khoảng 12-13% doanh thu đạt khoảng 2.900 tỷ đồng.

Phát triển công nghiệp ven biển theo hướng ưu tiên thu hút đầu tư các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghiệp công nghệ cao thân thiện môi trường gắn với phát triển ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghiệp cơ khí chế tạo, chế biến thủy sản, công nghiệp hóa chất, sản xuất muối, sản phẩm sau muối, công nghiệp sửa chữa và đóng tàu,... Quy hoạch, phát triển và mở rộng quy mô sản xuất các làng nghề chế biến cá hộp, nước mắm truyền thống góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường và việc làm cho Nhân dân vùng ven biển, tạo bứt phá trong phát triển bền vững công nghiệp ven biển. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tỉnh.

Phát triển đồng bộ khai thác, nuôi trồng thủy sản hướng mạnh ra biển; phát triển nuôi biển gắn với chế biến thủy sản; cơ cấu lại nghề khai thác hải sản theo hướng đánh bắt xa bờ, hiệu quả, bền vững, góp phần tham gia bảo vệ quốc phòng an ninh vùng biển đảo của Tổ quốc; xây dựng Ninh Thuận thành Trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước; đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu sản xuất giống thủy sản tập trung An Hải, Nhơn Hải, Sơn Hải theo quy hoạch. Tổ chức nạo vét các luồng lạch, khu neo đậu tại các cảng cá, bảo đảm an toàn; triển khai thực hiện tốt dịch vụ hậu cần nghề cá. Phấn đấu đến năm 2025, diện tích nuôi thủy sản trên đất liền đạt 500-600 ha, trên biển khoảng 1.000 ha; sản lượng khai thác đạt 110-150 nghìn tấn; sản xuất tôm giống đạt 41 tỷ con; giá trị gia tăng ngành thủy sản tăng đến 2-3%/năm.

Phát triển kinh tế hàng hải: Hoàn thành đầu tư Cảng biển tổng hợp Cà Ná, hình thành Cảng cạn và Trung tâm dịch vụ Logistics, từng bước hình thành và phát triển các loại hình dịch vụ logistics; xây dựng hoàn thiện các tuyến đường giao thông, kết nối liên thông các cảng biển với các tuyến đường cao tốc, đường sắt Bắc – Nam, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 27. Đến năm 2025, kinh tế hàng hải chiếm khoảng 7-8% trong cơ cấu các ngành kinh tế biển.

Khai thác các tài nguyên khoáng sản biển khác: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thăm dò, khảo sát, đánh giá tiềm năng, nâng cao hiệu quả khai thác gắn với chế biến sâu các tài nguyên khoáng sản biển khác, khoáng sản biển sâu, đặc biệt là các khoáng sản có trữ lượng lớn, giá trị cao, có ý nghĩa chiến lược; kết hợp hài hoà giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

2. Phát triển kinh tế biển theo khu vực

Khu vực ven biển phía Bắc thuộc huyện Thuận Bắc, Ninh Hải, gồm các xã ven biển: Công Hải, Vĩnh Hải, Thanh Hải, Nhơn Hải và một phần xã Tri Hải với chức năng phát triển du lịch nghỉ dưỡng cao cấp và trải nghiệm, đô thị du lịch, du lịch sinh thái gắn với khai thác hiệu quả Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa.

Khu vực ven biển trung tâm gồm khu vực ven biển Ninh Chữ - Đầm Nại gồm: thị trấn Khánh Hải, một phần xã Tri Hải và các phường Văn Hải, Mỹ Bình, Mỹ Hải, Đông Hải, Mỹ Đông, một phần xã An Hải gắn với động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Phát triển dịch vụ du lịch tại các khu vực ven biển Ninh Chữ, Đầm Nại và phía Nam Sông Dinh.

Khu vực ven biển phía Nam thuộc huyện Thuận Nam, Ninh Phước, gồm các xã ven biển: một phần xã An Hải, Phước Hải, Phước Dinh, Phước Diêm, Cà Ná phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trong đó động lực chính cho phát triển là Cảng biển tổng hợp Cà Ná; tập trung phát triển mạnh các ngành công nghiệp, năng lượng, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch và các khu đô thị mới. Phát triển khu vực Mũi Dinh trở thành trọng điểm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp phía Nam tỉnh.

3. Phát triển đồng bộ, từng bước hình thành khu công nghiệp, khu đô thị du lịch ven biển

Xây dựng các khu công nghiệp ven biển gắn với hình thành và phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh, trọng tâm là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đóng vai trò chủ đạo trong phát triển vùng và gắn kết liên vùng hướng đến hình thành khu kinh tế ven biển của cả nước. Đẩy nhanh xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp ven biển theo hướng tiếp cận mô hình khu công nghiệp sinh thái, tạo sức hấp dẫn các nhà đầu tư, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế biển.

Xây dựng hệ thống đô thị du lịch ven biển có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ, tôn tạo và nâng cao giá trị các cảnh quan, sinh thái, môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, trong đó: đô thị Phan Rang-Tháp Chàm là đô thị trung tâm, hiện đại, thông minh, có tính chất đô thị du lịch, dịch vụ sinh thái; đô thị Cà Ná là đô thị công nghiệp, dịch vụ sinh thái; xúc tiến đầu tư, triển khai các khu đô thị mới ven biển, như: Sơn Hải, Đầm Cà Ná, Đầm Nại, Khánh Hải, Vĩnh Hải, khu đô thị hai bên bờ Sông Dinh...

4. Nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần người dân vùng ven biển, xây dựng văn hóa biển gắn với bảo vệ môi trường ven biển

Hoàn thiện kết cấu hạ tầng, sắp xếp, bố trí lại các khu dân cư ven biển, góp phần nâng cao chất lượng đời sống, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư ven biển. Bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với biển một cách công bằng, bình đẳng. Chú trọng phát triển các thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư biển và ven biển; bảo tồn và phát huy bản sắc, giá trị lịch sử, xây dựng văn hóa biển.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức của người dân về bảo vệ, giữ gìn môi trường biển, xây dựng nếp sống văn minh. Có biện pháp quản lý, thu gom, xử lý rác thải tại các khu dân cư ven biển, nhất là các khu vực công cộng, đê kè, cảng cá, điểm tham quan, du lịch ven biển. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

5. Phát triển khoa học-công nghệ, ứng dụng chuyển đổi số; quản lý tài nguyên, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện nhanh việc chuyển đổi số vào các ngành kinh tế biển. Lựa chọn, tập trung phát triển công nghệ mới và đầu tư nghiên cứu các đề tài, dự án phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Triển khai thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển; nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên; triển khai thực hiện dự án Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ sau khi Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các tiêu chí, yêu cầu về môi trường đối với các dự án đầu tư

có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao khu vực ven biển, bảo đảm phòng ngừa, ngăn chặn không để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa và các hệ sinh thái, đặc biệt là các rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển.

6. Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, đa dạng hóa ngành nghề, phát triển nhanh nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng tốt nhu cầu lao động các ngành kinh tế biển; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế

Xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động của các lực lượng vũ trang trong bảo đảm chủ quyền trên biển, xử lý tốt các tình huống trên biển. Nâng cao năng lực ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Việc triển khai đầu tư các dự án phát triển kinh tế biển, khu vực ven biển phải đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Ưu tiên phát triển mạnh các ngành kinh tế biển, gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển.

Tăng cường hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước về đầu tư cơ sở hạ tầng, ứng dụng khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.

8. Xây dựng, kiện toàn hệ thống chính trị địa phương ven biển, hoàn thiện các quy hoạch, chính sách, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế biển

Xây dựng, kiện toàn hệ thống chính trị, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển bền vững kinh tế, xã hội vùng ven biển. Rà soát, cập nhật, bổ sung các dự án kinh tế biển vào quy hoạch tỉnh gắn với kiến nghị đưa vào các quy hoạch vùng, quy hoạch Quốc gia, làm cơ sở xúc tiến, kêu gọi đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế biển, nhất là các lĩnh vực có lợi thế như: điện gió ven biển, điện gió ngoài khơi, kinh tế hàng hải, nuôi trồng thủy sản biển, các dự án có quy mô lớn lĩnh vực công nghiệp, đô thị du lịch.

9. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững biển

Xúc tiến, thu hút đầu tư các dự án quy mô lớn, hàm lượng khoa học công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Ưu tiên nguồn vốn Nhà nước để đầu tư phát triển kết

cầu hạ tầng kinh tế biển tạo động lực thực sự cho phát triển bền vững kinh tế biển, nhất là hạ tầng du lịch, đô thị, giao thông, đê kè, hạ tầng nuôi trồng thủy hải sản, hậu cần nghề cá... Huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển bền vững kinh tế biển có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải. Khuyến khích hình thành, phát triển các doanh nghiệp lớn đầu tư các ngành kinh tế biển, đặc biệt là 06 nhóm ngành kinh tế biển được xác định trong Nghị quyết, nhất là các dự án trọng điểm như: Khu công nghiệp Cà Ná; điện gió ngoài khơi và trên biển; điện khí LNG; cảng cạn và Trung tâm Logistics, công nghiệp hóa chất... để tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc chỉ đạo việc tổ chức học tập, tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức và Nhân dân; đồng thời xây dựng Nghị quyết chuyên đề, kế hoạch, chương trình để cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo phù hợp, hiệu quả, khả thi nhất là các huyện ủy, thành ủy ven biển.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế chính sách liên quan đến phát triển kinh tế biển, nhất là các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, ưu đãi đầu tư vào 06 ngành kinh tế biển. Đồng thời, tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc tổ chức triển khai học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng chỉ đạo, định hướng cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết, các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế biển; kịp thời phát hiện, đưa tin những cách làm hay, điển hình tốt để nhân rộng.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch quán triệt, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp và Nhân dân tích cực tham gia phát triển bền vững kinh tế biển để trở thành động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, phát huy hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc xây dựng và triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan phát triển kinh tế biển.

5. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, bố trí và lồng ghép các nguồn lực để tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết; nghiên cứu đưa một số chỉ tiêu về phát triển kinh tế biển vào nhóm chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực

hiện; định kỳ hàng năm, 3 năm, 5 năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời đề xuất các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm thực hiện thắng lợi, toàn diện các nội dung Nghị quyết đề ra.

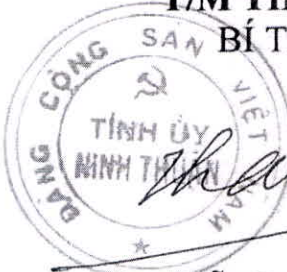
Đồng thời, chỉ đạo rà soát, nghiên cứu, kiến nghị, đề xuất, bổ sung, hoàn chỉnh một số nội dung về quy hoạch, các cơ chế, chính sách, xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê về kinh tế biển, thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển kinh tế biển...bảo đảm đủ cơ sở pháp lý, hiệu quả, khả thi để triển khai thực hiện trong thời gian đến.

Nghị quyết này phổ biến đến các chi, đảng bộ và toàn thể nhân dân trong tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các Sở, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Đức Thanh

Nguyễn Đức Thanh

